

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/DS-ST

Ngày: 21/6/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức hòa tham gia phiên tòa* tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2018/TLST-DS ngày 18/01/2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐSTXX-DS ngày 29/5/2018 và phiên định hoãn phiên tòa số 69/2018/QĐ-HPT ngày 11/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1982.

- Bà Huỳnh Kim N , sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ông L ủy quyền cho bà N , theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập): Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947.

Địa chỉ: 366C, khu vực 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà T, bà N có mặt, bà S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bà Trần Thị T, trình bày:

Từ năm 2016 bà có cho bà Huỳnh Kim N mượn tiền nhiều lần, đến ngày 30/11/2017 hai bên chốt lại số nợ là 70.000.000 đồng, bà N có làm giấy viết tay thừa nhận số nợ 70.000.000 đồng N ng từ khi viết giấy nhận nợ cho đến nay bà N không trả cho bà được khoản tiền nào. Khi cho bà N mượn tiền thì bà có nhận thế chấp của bà N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 568, tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị S đứng tên.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim N và chồng là ông Nguyễn Tấn L phải liên đới trả cho bà số tiền mượn là 70.000.000 đồng.

Bà đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 568, tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa cho bà Nguyễn Thị S đứng tên.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bà Huỳnh Kim N trình bày: bà và ông Nguyễn Tấn L là quan hệ vợ chồng, bà thừa nhận vào ngày 30.11.2017 bà có viết giấy nhận nợ đối với bà T, số nợ ghi trong giấy là 70.000.000 đồng nhưng thực chất mà vay của bà T nhiều lần nhưng số tiền vay chỉ là 59.600.000 đồng. Sau đó, bà có trả góp được cho bà T hàng ngày được tổng số tiền 29.880.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại bà T là 29.720.000 đồng và tiền lãi phát sinh 8.400.000 đồng, tổng cộng là 38.120.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền trên. Bà cho rằng việc bà vay mượn tiền là để kinh doanh mua bán card điện thoại và cho vay lại cho công nhân trong công ty nơi bà làm việc, riêng khoản tiền vay bà T về để chữa bệnh cho con bà thì bà đã thanh toán xong. Tiền có được từ việc mua bán bà đều trả tiền lãi cho bà T, ông L không biết, không liên quan gì đến khoản nợ này. Đồng thời, bà đại diện theo ủy quyền của ông L không đồng ý liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Khi vay mượn tiền của bà T thì bà có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 568, tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa cho bà Nguyễn Thị S là mẹ ruột của bà đứng tên. Việc thế chấp không có lập thành văn bản và bà S cũng không hề hay biết việc này.

Bà Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 và những lời khai tiếp theo, bà trình bày: bà là mẹ ruột của bà Huỳnh Kim N; bà xác nhận hiện đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 568, tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa, được nhà nước cấp giấy vào năm 2005. Đến ngày 18/11/2017, bà mới phát hiện bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngày 27/3/2018, bà được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa triệu tập với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà T đòi tài sản với bà N thì bà mới biết là bà N lén lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà mang thế chấp để vay tiền của bà T. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T phải trả cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Việc bà N có vay mượn tiền gì của bà T hay không thì bà N tự có trách nhiệm trả, bà không biết, không liên quan gì.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên đứng sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, lời trình bày của đương sự cũng N tài liệu, chứng cứ mà đương sự giao nộp là giấy nhận nợ ghi ngày 30/11/2017 thì bà N cũng thừa nhận là giấy nợ do mình viết và ký tên. Bà N cho rằng chỉ vay của bà T tổng số tiền 59.600.000 đồng, bà cho rằng sau đó bà trả góp được số tiền 29.880.000 đồng, bà chỉ còn nợ lại bà T là 29.720.000 đồng và tiền lãi phát sinh 8.400.000 đồng, tổng cộng là 38.120.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền trên N ng bà T không thừa nhận, bà N không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về trách nhiệm liên đới: Bà N cho rằng chỉ mình bà mượn nợ, ông L chồng của bà không biết gì đến khoản nợ này. Tại phiên tòa, bà T cũng thừa nhận bà cho bà N mượn tiền nhiều lần, mỗi lần giao nhận tiền đều diễn ra tại nhà bà và đều do bà N trực tiếp nhận tiền, không có lần nào có mặt của ông L. Hơn nữa, trong giấy nhận nợ thì bà T cũng không yêu cầu ông L cùng ký tên. Do vậy, bà T yêu cầu ông L phía liên đới cùng bà N trả nợ là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị S: Tại phiên tòa, bà T và bà N đều thừa nhận là quá trình vay tiền bà N có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị S đứng tên tại thửa số thửa số 568, tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa nhưng không có sự đồng ý của bà S. Bà T cũng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà S nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng,*

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn L và bà Huỳnh Kim N liên đới trả số tiền đã mượn. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại các Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1] Qua ý kiến, lời trình bày của các đương sự, chứng cứ mà đương sự cung cấp có cơ sở để xác định bà Huỳnh Kim N có mượn tiền của bà Trần Thị T nhiều lần, đến ngày 30/11/2017 bà N làm giấy xác nhận và chốt số nợ là 70.000.000 đồng thể hiện rất rõ trong nội dung giấy nhận nợ. Bà T cho rằng đây là khoản tiền vay có lãi suất, và cho rằng tổng số tiền vay chỉ 59.600.000 đồng. Sau đó, bà có trả góp được cho bà T hàng ngày được tổng số tiền 29.880.000 đồng, bà xác định chỉ còn nợ lại bà T là 29.720.000 đồng và tiền lãi phát sinh 8.400.000 đồng, tổng cộng là 38.120.000 đồng N ng bà T không thừa nhận, bà N không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Như vậy, có cơ sở để xác định đây là khoản tiền vay nhưng không có lãi suất, số tiền vay ghi trong giấy nợ là 70.000.000 đồng nhưng từ khi vay mượn nợ cho đến nay mặc dù bà T đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N không thanh toán nợ nên bà T khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông Nguyễn Tấn L phải liên đới cùng bà Huỳnh Kim N trả nợ. Thấy rằng, theo lời trình bày của bà N thì bà cho rằng vay mượn tiền của bà T là để mua bán card điện thoại cho công nhân trong công ty nơi bà làm việc, số tiền có được từ việc mua bán bà đều thanh toán tiền lãi suất cho bà T. Mặc khác, theo lời trình bày của đương sự thì bà T cho bà N vay tiền nhiều lần, những lần giao nhận tiền đều diễn ra tại nhà của bà T, khi đó ông L cũng không có mặt. Mặt khác, bà T cũng không yêu cầu ông L cùng ký tên trong giấy nhận nợ. Do vậy, xét lời trình bày như trên của bà N cho rằng ông L không biết, không liên quan gì đến khoản nợ là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị S,

Tại phiên tòa bà Trần Thị T thừa nhận có nhận 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị S tại thửa số 568 tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa, Đức Hòa, Long An do bà N thế chấp khi vay tiền của bà. Việc thế chấp hai bên không có làm hợp đồng lập thành văn bản cũng không có sự đồng ý của bà S.

Xét thấy, việc thế chấp không lập thành văn bản phù hợp với quy định pháp luật dân sự về giao dịch thế chấp, bà N thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T nhưng không có sự đồng ý của bà S. Do vậy, việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T đối với bà Huỳnh Kim N đối với quyền sử dụng đất tại thửa 658, tờ bản đồ số 3 thị trấn Đức Hòa là vô hiệu do vi phạm điều cấp của pháp luật nên cần buộc bà Trần Thị T phải giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị S là phù hợp với Điều 123, 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí:

Bà Huỳnh Kim N phải chịu án phí sơ thẩm với mức án phí là 5% trên số tiền 70.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện đã được Hội đồng xét xử chấp nhận để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị S được Hội đồng xét xử chấp nhận để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 123, 131, 463, 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Kim N.

Buộc bà Huỳnh Kim N phải trả cho bà Trần Thị T số nợ là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị S

Buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị S: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền số AC 484510 do bà Nguyễn Thị S đứng tên tại thửa số 568, tờ bản đồ số 03 thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (do UBND huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/5/2005).

Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Kim N phải nộp 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Trần Thị T phải nộp 300.000 án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0002154 ngày 18/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Hoàn lại cho bà Trần Thị T 1.450.000 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002454 ngày 27/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức